

Bản án số: **04/2024/DS-ST**

Ngày 12/3/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Nguyễn Tiến Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 22/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm **1992**; địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Giữa anh và anh V có mối quan hệ quen biết vì có làm ăn với nhau một vài lần. Anh có mở đại lý kinh doanh sắt thép tại Thôn M, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 1 năm 2022, anh Nguyễn Trọng V đã nhiều lần mua hàng tại đại lý của gia đình anh. Cụ thể các lần mua hàng như sau:

Lần thứ 1: Ngày 30/10/2021, anh Nguyễn Trọng V có lấy 03 loại sắt hộp của anh với trị giá thành tiền là 2.689.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 31/10/2021, anh V tiếp tục lấy sắt hộp và sắt vuông đặc với tổng số tiền là 1.385.500 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 01/11/2021, anh V lấy tiếp sắt hộp với tổng số tiền là 1.018.000 đồng.

Cả ba lần mua hàng này anh viết chung vào 1 hóa đơn bán hàng chót dưới hóa đơn là ngày 01/11/2021 với tổng số tiền của cả 3 lần mua hàng là 5.092.000 đồng (năm

triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Lần thứ 4: Ngày 02/11/2021, anh V có mua hàng của anh gồm các mặt hàng như sắt hộp, que hàn, đá cắt, chổi sơn...với tổng số tiền hàng là 7.666.000 đồng (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Lần thứ 5: Ngày 03/11/2021, anh V mua tấm Alu trắng sứ với giá tiền là 925.000 đồng

Lần thứ 6: Ngày 05/11/2021, anh V mua tiếp của anh tấm Alu trắng sứ với giá tiền là 740.000.000 đồng.

Lần thứ 7: Anh V có mua của anh tấm vách ngăn với tổng số tiền là 3.009.180 đồng. cả ba lần mua hàng này anh viết ching vào 01 hóa đơn đề ngày 06/11/2021.

Lần thứ 8: Ngày 14/11/2021, anh V lại tiếp tục mua hàng của anh với nhiều loại mặt hàng cùng lúc như sắt hộp, đá cắt, đá mài, ...Tổng số tiền hàng mà anh Vinh mua của anh là 17.592.000 đồng

Lần thứ 9. Ngày 25/11/2021, anh V có mua 2 loại sắt hộp của anh. Tính thành tiền là 3.200.000 đồng + 2.380.000 đồng = 5.580.000 đồng.

Hai lần mua hàng này anh viết chung trong 1 hóa đơn bán hàng đề ngày 25/11/2021. Tổng số tiền hàng mà anh V đã lấy của anh là 23.172.000 đồng.

Lần thứ 10: Ngày 01/6/2022, anh V tiếp tục mua của anh các loại mặt hàng như đá cắt, que hàn, sắt hộp với tổng trị giá tiền hàng là 3.506.000 đồng.

Các lần mua hàng của anh anh Nguyễn Trọng V đã nhận đủ số hàng với chất lượng và số lượng đúng như trong các hóa đơn bán hàng anh đã ghi.

Trong hóa đơn bán hàng cuối cùng ngày 01/6/2022, anh và anh V đã cộng tất cả các hóa đơn bán hàng lần trước lại và xác định anh V còn nợ anh tổng số tiền hàng là 74.545.000 đồng (bảy mươi tư triệu, năm trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Sau khi chốt nợ tiền hàng anh V đã ký vào mục khách hàng. Còn anh ký vào mục chủ cửa hàng.

Sau khi chốt nợ xong. Anh V có hứa là sẽ thanh toán cho anh số tiền trên trong thời hạn 4 tháng. Tuy nhiên sau khi hết hạn anh V vẫn chưa thanh toán trả cho anh. Anh có gặp anh V nhiều lần đề đòi thì đến ngày 29/7/2022, anh V mới chuyển khoản trả cho anh được số tiền 10.000.000 đồng. Việc trả tiền này anh có ghi vào trong hóa đơn bán hàng cuối cùng và chốt lại anh V còn nợ anh tổng số tiền 64.545.000 đồng (sáu mươi tư triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Từ đó đến nay đã hơn 1 năm, anh đã nhiều lần tìm gặp anh V để đề nghị anh V thanh toán trả anh số tiền hàng đã nợ của anh. Nhưng nhiều lần anh V khất lần, nhiều lần anh V trốn tránh, không gặp anh. Anh xác định số tiền nợ này là một mình anh V nợ anh, không liên quan đến gia đình anh V.

Vậy, anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam buộc một mình anh Nguyễn Trọng V phải thanh toán trả anh số tiền 64.545.000 đồng (sáu mươi tư triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền anh V đã mua hàng của anh nhưng chưa thanh toán.

Về lãi suất: Anh tự nguyện không yêu cầu anh V phải trả lãi suất cho anh.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu nào khác.

- Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh V, nhưng anh V không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

- Tòa án đã làm việc với bà Phan Thị V là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trọng V. Bà Phan Thị V có ý kiến như sau: Năm 2021, anh V làm nghề cai thợ xây, anh V có nhận các công trình xây dựng để thi công. Việc anh V có nợ anh T một số mặt hàng xây dựng thì bà không được biết, do công việc làm ăn riêng của anh V chứ không liên quan đến gia đình bà. Bà không quen biết anh T và không biết việc anh T cho anh V nợ tiền vật liệu. Gia đình bà không xây dựng công trình gì nên không có nhu cầu mua nguyên vật liệu.

Hiện nay anh V đi làm ăn không có nhà, khoảng 2-3 tháng nay anh V không về nhà, bản thân bà đã gọi điện liên lạc với anh V nhiều lần nhưng không được. Thi thoảng anh V có nói chuyện với con qua hệ thống camera giám sát của gia đình. Anh V không về nhà và cũng không gọi điện cho gia đình. Có vài lần có anh nói là ở xã Chu Điện đến hỏi bà là anh V có nhà không để anh đòi tiền nợ nhưng anh V không có nhà, bà không biết anh đó là ai, việc nợ nần giữa anh đó và anh V bà không được biết và bà cũng không có tiền để trả nợ thay cho anh V.

Bà khẳng định việc anh V còn nợ tiền anh T là do anh V làm ăn, không liên quan đến bà và vợ anh V. Nay anh T khởi kiện anh V về số tiền còn nợ là 64.545.000 đồng thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18 tháng 01 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Trọng V vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 02 tháng 02 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Trọng V vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 22 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa xét xử vụ án, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ **lần thứ nhất** nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay, ngày 12 tháng 3 năm 2024, anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Trọng V đã được Tòa án triệu tập họp lệ **lần thứ hai** nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh T và anh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn **có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt** nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 280, 430, 431, 440, 385 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, buộc anh Nguyễn Trọng V phải trả anh Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 64.545.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc anh Nguyễn Trọng Vinh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Trọng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Trọng V có địa chỉ cư trú tại thị trấn Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, anh Nguyễn Trọng V còn nợ anh Nguyễn Văn T tổng số tiền 64.545.000 đồng là tiền mua nguyên vật liệu xây dựng.

Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 30/10/2021 đến ngày 01/6/2022, anh Nguyễn Trọng V có mua bán tài sản của anh Nguyễn Văn T tất cả là 10 lần gồm các mặt hàng như sắt vuông, sắt hộp, que hàn, đá cắt, đá mài, chổi sơn, tấm Alu trắng sứ, tấm vách ngăn... cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 30/10/2021, anh Nguyễn Trọng V có lấy 03 loại sắt hộp của anh với trị giá thành tiền là 2.689.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 31/10/2021, anh V tiếp tục lấy sắt hộp và sắt vuông đặc với tổng số tiền là 1.385.500 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 01/11/2021, anh V lấy tiếp sắt hộp với tổng số tiền là 1.018.000 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 02/11/2021, anh V có mua hàng của anh gồm các mặt hàng như sắt hộp, que hàn, đá cắt, chổi sơn... với tổng số tiền hàng là 7.666.000 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 03/11/2021, anh V mua tấm Alu trắng sứ với giá tiền là 925.000 đồng

Lần thứ 6: Ngày 05/11/2021, anh V mua tiếp của anh tấm Alu trắng sứ với giá tiền là 740.000.000 đồng.

Lần thứ 7: Anh V có mua của anh tấm vách ngăn với tổng số tiền là 3.009.180 đồng. cả ba lần mua hàng này anh viết ching vào 01 hóa đơn đề ngày 06/11/2021.

Lần thứ 8: Ngày 14/11/2021, anh V lại tiếp tục mua hàng của anh với nhiều loại

mặt hàng cùng lúc như sắt hộp, đá cắt, đá mài, ... Tổng số tiền hàng mà anh V mua của anh là 17.592.000 đồng

Lần thứ 9. Ngày 25/11/2021, anh V có mua 2 loại sắt hộp của anh. Tính thành tiền là 3.200.000 đồng + 2.380.000 đồng = 5.580.000 đồng.

Lần thứ 10: Ngày 04/01/2022, anh V tiếp tục mua của anh các loại mặt hàng như đá cắt, que hàn, sắt hộp với tổng trị giá tiền hàng là 3.506.000 đồng.

Ngày 01/6/2022, anh Nguyễn Trọng V và anh Nguyễn Văn T có chốt số nợ với nhau là anh V còn nợ anh T tổng số tiền là 74.545.000 đồng, hai bên có lập biên bản và cùng ký nhận.

Ngày 29/7/2022, anh V có chuyển khoản trả cho anh Tuấn số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Số tiền anh V còn nợ lại anh Tuấn là 64.545.000 đồng.

Nay, anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình anh V phải có trách nhiệm trả cho anh T tổng số tiền nợ gốc là 64.545.000 đồng. Số tiền này là của một mình anh Tuấn bán hàng cho anh V, không liên quan đến vợ anh V.

** Về lãi suất:* Anh T tự nguyện không yêu cầu anh V phải trả lãi suất cho anh.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T:

- Trong khoảng thời gian từ ngày 30/10/2021 đến ngày 01/6/2022, anh Nguyễn Trọng V có mua bán tài sản của anh Nguyễn Văn T tất cả là 10 lần gồm các mặt hàng như sắt vuông, sắt hộp, que hàn, đá cắt, đá mài, chổi sơn, tấm Alu trắng sứ, tấm vách ngăn... với tổng số tiền còn nợ là 74.545.000 đồng. Hai bên có lập hóa đơn bán hàng và cùng nhau ký kết. Ngày 29/7/2022, anh V có chuyển khoản trả cho anh T được số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 64.545.000 đồng.

Nay, anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình anh V phải có trách nhiệm trả cho anh T tổng số tiền nợ gốc là 64.545.000 đồng. Số tiền này, anh T xác định là của một mình anh T bán hàng cho một mình anh V, không liên quan đến vợ anh Vinh.

- Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh V được.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T đối với anh Nguyễn Trọng V. Buộc anh Nguyễn Trọng V có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn T tổng số tiền nợ gốc là 64.545.000 đồng là phù hợp với Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[5] *Về lãi suất:* Anh Nguyễn Văn T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Trọng V phải trả lãi suất cho anh T, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Do yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận, nên anh Nguyễn Trọng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 3.227.000 đồng.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 280, 430, 431, 440, 385 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, buộc anh Nguyễn Trọng V phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T tổng số tiền nợ gốc là 64.545.000 đồng (Sáu mươi tư triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. **Về án phí:** Anh Nguyễn Trọng V phải chịu 3.227.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 1.600.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu số 0007932 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

4. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. **Về nghĩa vụ chậm thi hành án:** Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. **Hướng dẫn thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh